

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/DS-PT

Ngày 15-7-2021

V/v tranh chấp quyền về lỗi đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Kim Cua

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLPT-DS ngày 19/5/2021 về “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2021/QĐ-PT ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1950

1.2. Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Ấp An Trạch Tây, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị E, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp An Trạch Tây, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp Bình Đông, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người làm chứng (do bị đơn mời): Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp An Trạch Tây, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn đang sử dụng phần đất thuộc thửa 301, 302, 305 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp An Trạch Tây, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 21/6/1999, nay là thửa 209. Nguyên đơn và bị đơn là anh em ruột, khi cha mẹ còn sống thì có hợp gia đình và thống nhất cho nguyên đơn một lối đi có chiều rộng 02 mét, chiều dài hết phần đất của bị đơn để đi ra lộ công cộng. Nguyên đơn có sử dụng lối đi này từ năm 1990, đến năm 2012 thì lối đi bị hư hỏng nên gia đình của nguyên đơn mới đi trên lối đi trên đất của ông Phạm Văn Đức, anh Phạm Văn Lâm để đi ra lộ công cộng. Đầu năm 2019, ông Đức, anh Lâm không đồng ý cho gia đình nguyên đơn đi trên đất nữa nên nguyên đơn mới sửa chữa lại lối đi cũ trên phần đất của bị đơn thì bị đơn không đồng ý và phát sinh tranh chấp.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi tại vị trí cũ, có chiều rộng 1,5m; chiều dài hết phần đất của bị đơn để đi ra lộ công cộng và không đồng ý bồi thường thiệt hại cho việc mở lối đi vì trước đó bị đơn đã viết cam kết cho nguyên đơn mở lối đi vĩnh viễn. Phần đất mà nguyên đơn được cho có vị trí phía trong, bị đơn được cho phần đất phía ngoài giáp lộ công cộng, tại giấy cam kết năm 2012 cũng thể hiện bị đơn dành cho nguyên đơn một lối đi vĩnh viễn. Nguyên đơn cũng có đi trên lối đi mà hiện nay có yêu cầu từ năm 1990, do lối đi có bị sạt lở nên nguyên đơn mới đi nhờ trên phần đất của ông Phạm Văn Đức, Phạm Văn Lâm nhưng nay ông Đức không cho đi nữa. Vị trí mà bị đơn xác định là không thuận tiện cho việc mở lối đi vì có con mương ranh, chi phí đầu tư làm lối đi là rất cao nên nguyên đơn không thể làm được, việc mở lối đi tại vị trí mà nguyên đơn có yêu cầu là hợp lý nhất và phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị E và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà Phạm Thị E đang sử dụng phần đất có diện tích 2550,7m² thuộc thửa 520 tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp An Trạch Tây, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Bà không đồng ý mở lối đi tại vị trí mà ông T, anh T1 yêu cầu. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc bà chấp nhận mở cho ông T, anh T1 lối đi có chiều rộng 1,2m là thửa 50D theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 02/12/2020. Tuy nhiên, nay bà đồng ý mở cho ông T, anh T1 lối đi rộng 1,5m tại vị trí mà tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc mà bà đã chỉ. Đồng thời bà yêu cầu ông T, anh T1 phải bồi thường giá T quyền sử dụng đất, cây trồng trên đất theo mức giá mà Hội đồng định giá đã định.

Việc ông T cho rằng có hợp gia đình để mở lối đi là không đúng, trước đây khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Phạm Văn Lâm thì ông T không đồng ý ký tên giáp ranh và có yêu cầu mở lối đi, anh Lâm là cháu ruột của bà nên bà mới làm giấy cam kết mở cho ông T lối đi trên phần đất của bà vào năm 2012, nhưng lúc đó không xác định là ở vị trí nào. Thực tế thì ông T, anh

T1 không có đi trên lối đi mà ông T, anh T1 yêu cầu. Ông T, anh T1 từ trước đến giờ đi trên lối đi tại phần đất của ông Đức, anh Lâm. Vị trí mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi là không thuận tiện gây ảnh hưởng đến việc quản lý sử dụng, chuyển nhượng đất của bị đơn nên bị đơn không đồng ý.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

1. Buộc bà Phạm Thị E phải mở cho ông Phạm Văn T, anh Phạm Anh T1 một lối đi có chiều rộng là 1,5m ở cạnh giáp ĐHMC 12 và cạnh giáp thửa 209, chiều dài ở cạnh giáp thửa 233 là 74,87m; giáp thửa 380 là 4,5m và 11,85m, chiều dài còn lại giáp thửa 520C là 91,13m; chiều cao lối đi là 3,0m tính từ bề mặt của đi và nằm trong phạm vi chiều ngang, chiều dài nêu trên. Phần lối đi này có diện tích là 136,1m², thuộc thửa 520D tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp An Trạch Tây, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 05/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Ông Phạm Văn T, anh Phạm Anh T1 có nghĩa vụ di dời hoặc đốn bỏ các bụi lá, san lấp, tu bổ, sửa chữa, bồi đắp trong phạm vi phần đất được mở lối đi nêu trên để tạo lối đi.

2. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với bà Phạm Thị E đối với phần đất mở lối đi có chiều rộng, chiều dài, chiều cao diện tích, vị trí như đã nêu trên. Ông Phạm Văn T, anh Phạm Anh T1 được quyền sử dụng hạn chế phần lối đi mà bà Phạm Thị E có quyền sử dụng đất và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 171 của Luật đất đai năm 2013 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Buộc bà Phạm Thị E có nghĩa vụ di dời hoặc đốn để di dời một cây dừa loại 01 ra khỏi phần đất mà ông Phạm Văn T, anh Phạm Anh T1 được sử dụng để làm lối đi thuộc thửa 520D, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp An Trạch Tây, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 05/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M.

4. Buộc ông Phan Văn T và anh Phạm Anh T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị E giá T của 01 (một) cây dừa loại 01 là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn nêu về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2021, nguyên đơn ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông P trình bày: Việc nguyên đơn làm giấy cam kết cho bị đơn lối đi là hoàn toàn tự nguyện, có sự chứng kiến của các anh em, con cháu trong gia đình. Mặc dù giấy cam kết này chưa đảm bảo về mặt hình thức nhưng đã thể hiện rõ ý chí của các bên, theo đó bị đơn cho nguyên đơn một con

đường đi vĩnh viễn. Trong quá trình tố tụng, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận lối đi tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu là lối đi cũ thuộc thửa 520B, cũng thừa nhận nếu mở lối đi thuộc thửa 520D là không thuận tiện, đồng thời chi phí để san lấp, cải tạo làm lối đi rất lớn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu nguyên đơn chịu 50% chi phí tôn tạo lối đi trên thửa 520D thì nguyên đơn cũng không thực hiện được vì lối đi này có mương ranh giáp với ông Đực và chưa có ý kiến của ông Đực. Bị đơn vì muốn chuyển nhượng đất mà gây khó khăn cho nguyên đơn là không phù hợp. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Người làm chứng cho bị đơn trình bày: Khi ông Danh chia đất thì các bên có thỏa thuận cho lối đi, tuy nhiên có thời gian ông T đi trên đất của ông Đực, ông Lâm, không đi trên lối đi cũ và lối đi này bị rào lại.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, giữ nguyên ý kiến cho ông T đi trên thửa 520D và đồng ý chịu 50% chi phí tu bổ để tạo lối đi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bà E có làm giấy cam kết hứa cho ông T một lối đi vĩnh viễn trên đất của bà nhưng giấy cam kết không thể hiện rõ vị trí lối đi này, tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2020 thể hiện ông T không đi trên lối đi cũ, trong quá trình tố tụng ông T cũng thừa nhận ông không đi trên lối đi cũ từ năm 2012 đến năm 2019 thì mới đi lại trên lối đi này và từ đó phát sinh tranh chấp. Vị trí thửa 520B chia đất của bị đơn làm hai phần gây khó khăn cho việc quản lý, canh tác đất nên cấp sơ thẩm mở lối đi tại thửa 520D là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đồng ý chịu 50% chi phí cải tạo lối đi nên ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Phạm Văn T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Phạm Văn T và anh Phạm Anh T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn mở lối đi có chiều rộng 1,5m; chiều dài hết phần đất của bị đơn, diện tích 135,7m² thuộc thửa 520B, tờ bản đồ số 16. Bị đơn bà Phạm Thị E không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chỉ đồng ý mở cho nguyên đơn một lối đi chiều rộng 1,5m; chiều dài hết phần đất của bị đơn, diện tích 136,1m² thuộc thửa 520D, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

[2] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng bị đơn có viết giấy cam kết ngày

06/10/2012, theo đó bà E đồng ý cho ông T một con đường đi vĩnh viễn thuộc các thửa 304, thửa 300 và đây là lối đi mà nguyên đơn yêu cầu mở thuộc thửa 520B. Bị đơn bà E thừa nhận có tờ cam kết nêu trên, tuy nhiên cho rằng giấy cam kết này không nêu vị trí lối đi ở đâu. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận trước đây nguyên đơn có đi trên lối đi yêu cầu thuộc thửa 520B, đồng thời không có lối đi thuộc thửa 520D.

Về hiện trạng lối đi nguyên đơn yêu cầu là bờ đất thuận tiện để làm lối đi. Trong khi đó, lối đi bị đơn đồng ý mở thuộc thửa 520D có một phần là nương lá, phải bồi lấp, cải tạo mới có thể làm lối đi được. Theo nội dung cam kết thì bà E cho ông T “một con đường đi” vĩnh viễn, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận 520D chưa thể sử dụng làm lối đi mà phải cải tạo, bồi lấp mới có thể tạo thành lối đi.

Như vậy, có căn cứ xác định lối đi mà bà E đồng ý cho ông T đi theo giấy cam kết là lối đi mà nguyên đơn yêu cầu thuộc thửa 520B. Do bị đơn có cam kết cho nguyên đơn lối đi này nên nguyên đơn không phải bồi thường giá T quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

[3] Tuy nhiên, trên phần đất thuộc thửa 520B mà nguyên đơn được mở lối đi có 01 (Một) cây dừa loại 03 và 02 (Hai) cây dừa mới trồng nên nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn theo giá đã được Hội đồng định giá xác định là 620.000 đồng.

Từ những nhận định trên, nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mở lối đi trên thửa 520D là chưa phù hợp, chưa đánh giá toàn diện chứng cứ, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ nên không được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị E phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng 2.803.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên buộc bị đơn bà Phạm Thị E có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 2.803.000 đồng cho ông Phạm Văn T và anh Phạm Văn T1.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Phạm Văn T và anh Phạm Văn T1 không phải chịu án phí. Bà Phạm Thị E phải chịu án phí sơ thẩm, tuy nhiên bà E là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[6.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Phạm Văn T không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T;

Sửa Bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 06/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 245, 254, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 5, 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T, anh Phạm Văn T1.

Buộc bà Phạm Thị Em phải mở cho ông Phạm Văn Trị, anh Phạm Anh Thoại một lối đi có chiều rộng là 1,5m ở cạnh giáp ĐHMC 12 và cạnh giáp thửa 209, chiều dài ở cạnh giáp thửa 520C là 90,88m, giáp thửa 520A là 90,79m, chiều cao của lối đi là 3,0m tính từ bề mặt của lối đi và nằm trong phạm vi chiều ngang, chiều dài nêu trên. Phần lối đi này có diện tích là 135,7m², thuộc thửa 520B, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp An Trạch Tây, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Mỏ Cày Nam.

2. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với bà Phạm Thị Em đối với phần đất mở lối đi có chiều rộng, chiều dài, chiều cao, diện tích, vị trí như đã nêu trên. Ông Phạm Văn Trị, anh Phạm Anh Thoại được quyền sử dụng hạn chế phần lối đi mà bà Phạm Thị Em có quyền sử dụng đất và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Buộc bà Phạm Thị Em có nghĩa vụ di dời hoặc đốn để di dời 01 (Một) cây dừa loại 03 và 02 (Hai) cây dừa mới trồng ra khỏi phần đất mà ông Phạm Văn Trị, anh Phạm Anh Thoại được sử dụng để làm lối đi thuộc thửa 520B, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp An Trạch Tây, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Mỏ Cày Nam.

4. Buộc ông Phạm Văn Trị và anh Phạm Anh Thoại có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Em giá trị của 01 (Một) cây dừa loại 03 và 02 (Hai) cây dừa mới trồng là 620.000 (Sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị E phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng 2.803.000 đồng. Do ông Phạm Văn T và anh Phạm Văn T1 đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền nêu trên nên buộc bà Phạm Thị E có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Phạm Văn T và anh Phạm Văn T1 số tiền 2.803.000 (Hai triệu tám trăm lẻ ba nghìn) đồng.

6. Về án phí:

6.1. Án phí sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị E được miễn.

- Hoàn trả cho ông Phạm Văn Trị và anh Phạm Anh Thoại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000945 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

6.2. Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn T không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt